TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ

*****

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2017/DS - ST
Ngày: 30/9/2017
V/v: " T/c quyền sử dụng không gian đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - TP CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Võ Bá Lộc**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Nguyễn Văn Thảo**

2/ Ông **Nguyễn Thanh Điền**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Huỳnh Thị Ánh Đào** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - Tp. Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – Tp. Cần Thơ tham gia phiên tòa*: Bà **Đỗ Thị Thùy Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày **30** tháng **9** năm **2017**, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 79/2015/TLST - DS, ngày 27 tháng 5 năm 2015, về việc *" Tranh chấp quyền sử dụng không gian đất "*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 524/2017/QĐST - DS ngày 14/9/2017 của TAND quận Thốt Nốt giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1/ Ông **Ngô Văn M -** sinh năm 1964

2/ Bà **Liêu Thúy L -** sinh năm 1961

Cùng địa chỉ: KV A, phường T, Q. N, Tp. T

Người đại diện hợp pháp ông **Trần Văn S –** sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 15, xã Đông H B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông **Chung Hữu H -** sinh năm 1960

Người đại diện hợp pháp bà **Chung Mỵ L1** – sinh năm: 1955 (có mặt)

Cùng địa chỉ: KV A, phường T, Q. N, Tp. T

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt

Trụ sở: khu vực Phụng Thạnh 1, phường T, Q. N, Tp. T

Người đại diện hợp pháp: Ông **Trần Thanh Hoài –** sn: 1979 (vắng mặt)

Chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài nguyên Môi trường quận Thốt Nốt

Địa chỉ: khu vực Tân Phú, phường Thuận H, quận N, Tp. T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2015 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có người đại diện hợp pháp ông Trần Văn S trình bày:

Nguyên đơn ông Ngô Văn M, bà Liêu Thúy L là chủ sử dụng thửa đất 226, diện tích 342m^2, loại đất ODT, tờ bản đồ số 21 do ông Ngô Văn M, bà Liêu Thúy L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02339 được UBND quận N cấp ngày 15/5/2015, đất tọa lạc tại khu vực A, phường T, quận N, thành phố T. Nguồn gốc đất là do vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Hà Trạch và bà Huỳnh Sĩ H1.

Quá trình sử dụng đất và xây nhà trên đất nguyên đơn có chừa một khoảng không gian trống để sử dụng cho việc mở cửa sổ và tiếp giáp với đất của nguyên đơn là phần đất thuộc thửa đất số 744, diện tích 238m^2 của bị đơn ông Chung Hữu H. Vào năm 2015 ông H có tiến hành sữa chữa căn nhà đã lợp mái tole lần chiếm phần không gian thửa đất 226 của nguyên đơn. Sau khi phát hiện nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu ông H tháo dỡ phần mái tole lấn chiếm không gian nhưng ông H không thực hiện nên phát sinh tranh chấp và sự việc đã được Ủy ban nhân dân phường T hòa giải nhưng không thành.

Nguyên đơn nhận thấy việc ông H lấn chiếm phần không gian đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Nay nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn có trách nhiệm tháo dỡ phần mái tole lấn chiếm không gian đất có diện tích 0,33m^2 thuộc thửa đất 226 để trả lại không gian đất cho nguyên đơn. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn Chung Hữu H có người đại diện hợp pháp bà Chung My L1 trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ông Chung Hữu H là chủ sử dụng tại thửa đất 744, diện tích 238m^2 loại đất ODT, tờ bản đồ số 03 do ông Chung Hữu H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 327 được UBND huyện N (cũ) cấp ngày 17/11/2003, tọa lạc ấp A, thị trấn N, huyện N (cũ), tỉnh T, (*Nay thuộc khu vực A, phường T, quận N, Tp. T*). Nguồn gốc đất của cha mẹ để lại cho ông sử dụng từ trước đến nay. Vào khoảng thời gian giữa năm 2015 ông H có tiến hành sữa chữa lợp lại mái tole căn nhà của mình thì lấn qua không gian đường cống đất công cộng của nhà nước quản lý nằm tiếp giáp với thửa đất 226 của ông M, bà L là chủ sử dụng.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông H không đồng ý tháo dỡ phần mái tole lấn chiếm không gian đất có diện tích 0,33m^2. Bởi vì bị đơn không có lấn chiếm không gian đất của nguyên đơn và phần mái tole bị đơn đang sử dụng là nằm trên phần đất thuộc đường cống công cộng của nhà nước quản lý không phải là đất của vợ chồng ông M, bà L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ *Ủy ban nhân dân quận N có người đại diện hợp pháp ông Trần Thanh Hoài trình bày như sau*:

*** Về trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:** Theo hồ sơ địa chính thể hiện nguồn gốc thửa 746 (cập nhật theo bản đồ chính quy là thửa 226) là của bà Huỳnh Sĩ H1 sử dụng trước năm 1992 và đến năm 2002 bà Liêu Thúy L nhận chuyển nhượng thửa đất 746 từ bà H1. Quá trình chuyển nhượng và cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bà Liêu Thúy L không

có tranh chấp, khiếu nại nào liên quan, đặc biệt là từ phía gia đình Chung Hữu H. Do vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5402010249 ngày 07/01/2002 tại thửa 746 diện tích 335m2 đất Thổ cư (T) cho bà Liêu Thúy L là đúng trình tự, thủ tục, nguồn gốc và đối tượng sử dụng theo quy định và thẩm quyền tại Điều 12 của Nghị định số 60-CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị *"Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại nội thành, nội thị xã, thị trấn do Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là cấp tỉnh) cấp"*.

Năm 2011, bà Liêu Thúy L và ông Ngô Văn M được Ủy ban nhân dân quận N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00835 ngày 01/11/2011 tại thửa 226 là được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, nguồn gốc và đối tượng sử dụng theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

*** Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có bao trùm phần đất cống công cộng:** Qua kiểm tra hiện trạng thực tế cho thấy có đường cống thoát nước ngang 0,6m x 24,2m x sâu 0,6m nằm giữa phần nhà và ranh thửa đất 744 của hộ ông Chung Hữu H. Đối chiếu hồ sơ địa chính cho thấy đường cống thoát nước này nằm trong các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 000861 ngày 12/8/1992 cấp ông Hà Phước Trạch; giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 43/2001 ngày 03/12/2001 cấp cho bà Huỳnh Sĩ H1 và nay vẫn nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00835 ngày 01/11/2011 cấp cho bà Liêu Thúy L.

Qua 02 lần đo đạc tổng thể (năm 2001 và năm 2011) và 04 lần cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 1992, 2001, 2002 và năm 2011) nhận thấy không có hồ sơ nào thể hiện đường cống thoát nước này là đường cống công cộng. Đối chiếu Bản đồ địa chính năm 1992 cũng không thể hiện đường cống thoát nước công cộng nào nằm giữa thửa 746 và thửa 744 (nay là thửa 226 và thửa 231) nêu trên. Như vậy, việc đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là hoàn toàn phù hợp với Bản đồ địa chính năm 1992.

Hơn nữa, vào năm 2011 khi bà Liêu Thúy L tiến hành đo đạc tổng thể thì hộ ông Chung Hữu H đã ký xác nhận ranh đất nH không có ý kiến khiếu nại hay phản ánh nào liên quan đến việc đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Liêu Thúy L là trùm lên phần cống thoát nước công cộng. Hiện trạng sử dụng đất và nhà của bà L và ông M hiện nay vẫn đúng theo sơ đồ thửa 226 được thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00835 ngày 01/11/2011 cấp cho bà Liêu Thúy L và ông Ngô Văn M nêu trên.

Dựa vào các cơ sở pháp lý nêu trên, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Liêu Thúy L là không có phần đất cống công cộng theo phản ánh của ông Chung Hữu H.

Vì vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5402010249 ngày 07/01/2002 tại thửa 746

và Ủy ban nhân dân quận N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00835 ngày 01/11/2011 tại thửa 226 là đúng trình tự, thủ tục, nguồn gốc và đối tượng sử dụng theo quy định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Liêu Thúy L là không có phần đất cống công cộng theo phản ánh của ông Chung Hữu H. Ngoài ra, ông yêu cầu được miễn tham gia các phiên hòa giải, đối chất và xét xử tại TAND các cấp.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xem xét đo đạc, thẩm định tại chổ xác định phần tranh chấp không gian đất có diện tích 0,3m^2 (làm tròn) thuộc thửa đất 226 và trên không gian đất tranh chấp có tài sản là: Phần mái tole sóng vuông của ông Chung Hữu H có hình tam giác trong đó có 02 cạnh gốc vuông: cạnh thứ 1 chiều dài 0,1m, cạnh thứ 2 chiều dài 6,6m, diện tích: 0,33m^2.

Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên nhiều lần nH các đương sự vẫn không thỏa thuận được cách thức giải quyết vụ án nên được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có đại diện hợp pháp ông S trình bày: Nguyên đơn ông M, bà L vẫn giữ nguyên ý kiến. Yêu cầu buộc bị đơn ông H có trách nhiệm tháo dỡ phần mái tole có diện tích 0,33m^2 lấn chiếm thuộc không gian thửa đất 226 để trả không gian đất cho nguyên đơn.

Bị đơn có đại diện hợp pháp bà L1 trình bày: Bị đơn ông H không đồng ý tháo dỡ tài sản là phần mái tole của ông vì phần mái tole này chỉ lấn qua không gian đất công cộng của nhà nước chứ không phải của nguyên đơn. Sự thật đường cống này đã hình thành từ trước năm 1990 và được các hộ dân sinh sống dùng thoát nước chung nH việc Ủy ban nhân dân quận N xác định đây không phải là đất công cộng là không đúng và không khách quan. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Buộc bị đơn ông H phải tháo dỡ phần mái tole sóng vuông, diện tích 0,33m^2 lấn chiếm không gian đất thuộc thửa đất 226 để trả không gian đất cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

(1) Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Thanh Hoài là đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận N là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có yêu cầu xin xét xét vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông là phù hợp.

(2)Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu tháo dỡ tài sản để trả lại không gian có diện tích 0,33m^2 thuộc thửa đất

226 cho nguyên đơn nH bị đơn không đồng ý giao trả vì cho rằng không lấn chiếm không gian đất của nguyên đơn. Xét đây là quan hệ pháp luật " *Tranh chấp quyền sử dụng đất"* mà cụ thể là *" Tranh chấp quyền sử dụng không gian đất"* và yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N theo quy định khoản 9 Điều 26, các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

(3) Về nội dung tranh chấp: Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu phải có trách nhiệm tháo dở tài sản là phần mái tole lấn chiếm không gian đất qua đo đạc thẩm định có diện tích 0,33m^2 thuộc quyền sử dụng tại thửa đất số 226, diện tích 342,0m^2, loại đất ODT, tờ bản đồ số 21 do ông Ngô Văn M, bà Liêu Thúy L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CH02339 được UBND quận N, cấp ngày 15/5/2015, tọa lạc khu vực A, phường T, quận N, Tp. T. Tuy nhiên, bị đơn thừa nhận có phần mái tole lấn qua nH cho rằng phần đất này thuộc đường cống công cộng của nhà nước quản lý chứ không phải của nguyên đơn nên các bên phát sinh tranh chấp.

(4) Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Nguồn gốc thửa đất 746 (*cập nhật theo bản đồ chính quy là thửa 226*) diện tích 335m^2, loại đất T của bà Huỳnh Sĩ H1 sử dụng từ trước 1992 và đến năm 2002 ông M, bà L nhận chuyển nhượng từ bà H1 và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật và ông bà sử dụng ổn định đến nay. Thời điểm chuyển nhượng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở cho bà L, ông M tại thửa đất 226 thì không ai khiếu nại hoặc tranh chấp có liên quan. Quá trình giải quyết vụ án Ủy ban nhân dân quận N có văn bản phúc đáp số 235/UBND – NC ngày 06/02/2017 có nội dung: " *Việc Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5402010249, ngày 07/01/2002 tại thửa đất 746 và Ủy ban nhân dân quận N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00835, ngày 01/11/2011 tại thửa đất 226 là đúng trình tự, thủ tục, nguồn gốc và đối tượng sử dụng theo quy định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận "* nên về mặt pháp lý ông M, bà L đã được nhà nước xác lập và công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 226 là hợp pháp.

(5) Đối với ý kiến bị đơn ông H thừa nhận phần mái tole căn nhà của mình có lấn qua không gian phần đất thuộc đường cống công cộng do nhà nước quản lý có diện tích 0,33m^2 là đúng chứ không lấn qua phần đất thuộc thửa đất 226 của nguyên đơn. Xét thấy giữa ranh hai thửa đất 744 của ông H và thửa đất 226 của ông M, bà L liền kề thực tế có đường cống thoát nước (0,6m x 24,2m x 0,6m) nH qua đối chiếu hồ sơ địa chính và các lần đo đạc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông M, bà L tại thửa đất 226 và ông H tại thửa đất 744 đều không có thể hiện đường cống thoát nước công cộng nào nằm giữa hai thửa đất này. Mặt khác, thời điểm năm 2011 khi cơ quan nhà nước tiến hành đo đạc thực tế thửa đất 226 để cấp đổi cho ông M, bà L thì ông H đã ký xác nhận ranh đất, không khiếu nại tranh chấp. Quá trình giải quyết vụ án thì được Ủy ban nhân quận N là cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý đất đai tại địa phương có công văn số 235/UBND – NC

ngày 06/02/2017 có nội dung: " *Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Liêu Thúy L là không có phần đất công cộng theo phản ánh của ông Chung Hữu H* ". Vì vậy, ý kiến của bị đơn cho rằng mình chỉ lấn chiếm không gian của phần đất công cộng có diện tích đo đạc thực tế là 12,1m^2 là không có cơ sở chấp nhận.

(6) Xét thấy nguyên đơn ông M, bà L là chủ sử dụng đất hợp pháp tại thửa đất 226 được quyền sử dụng không gian theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất nên trong trường hợp này bị đơn khi xây dựng nhà đã để phần mái tole căn nhà lấn qua không gian đất của thửa đất 226 đã ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn có trách nhiệm tháo dỡ tài sản lấn chiếm để trả lại không gian đất cho nguyên đơn là có căn cứ theo quy định và khoản 2 Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2005 như sau: " *Người sử dụng đất được quyền sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác* "

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông H phải có trách nhiệm tháo dỡ tài sản là phần mái tole sóng vuông lấn chiếm không gian thửa đất 226 để trả lại không gian cho nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại các Điều 164,166 Bộ luật dân sự năm 2015.

(7) Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đo đạc thẩm định và định giá tài sản với chi phí số tiền 3.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng xong số tiền 3.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí này theo quy định tại các Điều 157,165 Bộ luật tố tụng dân sự.

(8) Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí không giá ngạch đối với phần tài sản tranh chấp theo quy định tại Điều 17 Nghị quyết 01/2012/NQ – HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

(9) Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 4, 26,35, 39,147, 157,165, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Các Điều 164, 166 và khoản 2 Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;
- Nghị quyết 01/2012/NQ – HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xác định khoảng không gian nơi phần mái tole sóng vuông của bị đơn ông Chung Hữu H có hình tam giác trong đó có 02 cạnh gốc vuông: cạnh thứ 1 chiều

dài 0,1m, cạnh thứ 2 chiều dài 6,6m, diện tích: 0,33m^2 theo chiều thẳng đứng từ ranh đất lên thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn ông Ngô Văn M, bà Liêu Thúy L tại thửa đất số 226, diện tích 342,0m^2, loại đất ODT, tờ bản đồ số 21 do ông Ngô Văn M, bà Liêu Thúy L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CH02339 được Ủy ban nhân dân quận N, cấp ngày 15/5/2015, tọa lạc khu vực A, phường T, quận N, Tp. T.

Buộc bị đơn ông Chung Hữu H phải có trách nhiệm tháo dỡ phần mái tole sóng vuông lấn chiếm không gian đất nêu trên để trả lại không gian thuộc thửa đất 226 cho nguyên đơn ông Ngô Văn M, bà Liêu Thúy L.

Vị trí, kích thước các cạnh của phần đất bị lấn chiếm qua đo đạc có diện tích 0,3m^2 (làm tròn) thuộc thửa đất 226 nêu trên được xác định theo Bản trích đo địa chính số 57/TTKTTNMT của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường Tp. T, lập ngày 08/9/2017 (*Đính kèm*).

Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản là 3.000.000 đồng. Công nhận nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này. Bị đơn ông Chung Hữu H phải nộp số tiền 3.000.000 đồng để trả lại cho nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Chung Hữu H phải nộp số tiền 200.000 đồng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, TP. T.

Nguyên đơn ông Ngô Văn M, bà Liêu Thúy L được nhận số tiền tạm ứng án phí 720.000 đồng mà ông bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, TP. T theo Biên lai thu tiền số 002224, ngày 20/05/2015.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND TP. Cần Thơ;
-VKSND quận Thốt Nốt;
-Chi cục THA quậnThốt Nốt;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Bá Lộc